

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Thực hành kế toán sản xuất doanh nghiệp 2 - MH1104122

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: MH110412201

Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Trần Hồng Đạt - (04096)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1910110001	Bùi Đông Anh	17/07/1997		9,0	chín	C21KT	
2	1910110020	Lâm Thị Kim Bông	28/06/2001		10	mười	C21KT	
3	1910110010	Nguyễn Mạnh Cường	06/09/1993		10	mười	C21KT	
4	1910110005	Trần Thị Mỹ Duyên	10/08/2001		9,0	chín	C21KT	
5	1910110014	Đặng Thị Hồng Huy	19/08/2001		9,0	chín	C21KT	
6	1910110007	Trần Thị Thanh Hương	10/10/2001		9,0	chín	C21KT	
7	1910110006	Trần Thị Kim Loan	17/01/2001		10	mười	C21KT	
8	1910110012	Lê Thành Lộc	23/11/2001		7,0	Bảy	C21KT	
9	1910110008	Nguyễn Hoàng Lê Nhi	21/12/2001		6,0	Sáu	C21KT	
10	1910110013	Lê Thị Cẩm Nhung	07/09/2001		9,0	chín	C21KT	
11	1910110004	Nguyễn Thị Nam Phương	06/07/2001		10,0	mười	C21KT	
12	1910110019	Lê Thu Thảo	05/07/2001		9,0	chín	C21KT	
13	1910110002	Lê Bảo Trân	21/10/2001		7,0	Bảy	C21KT	
14	1910100010	Trịnh Kim Tường Vy	02/11/2001		10,0	mười	C21KT	
15	1910110003	Đào Thụy Khánh Xuân	02/10/2000		10,0	mười	C21KT	
16	1910110021	Nguyễn Thị Kim Yên	26/11/1998		10,0	mười	C21KT	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 16 vắng thi: 00 . Số bài thi: 16 / 16 .

Số sinh viên đạt/không đạt: _____ / _____

Tỷ lệ đạt: _____ , _____ %

Ngày: 24 tháng 03 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày: 24 tháng 03 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Hồng Đạt.

PHƯƠNG
KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Thực hành kế toán sản xuất doanh nghiệp 2 - MH1104122

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: MH110412201

Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Trần Hồng Đạt - (04096)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1910110001	Bùi Đông Anh	17/07/1997		8,5	Tám, Năm	C21KT	
2	1910110020	Lâm Thị Kim Bông	28/06/2001		9,0	Chín	C21KT	
3	1910110010	Nguyễn Mạnh Cường	06/09/1993		8,5	Tám rưỡi	C21KT	
4	1910110005	Trần Thị Mỹ Duyên	10/08/2001		6,0	Sáu	C21KT	
5	1910110014	Đặng Thị Hồng Huy	19/08/2001		4,5	Bốn, Năm	C21KT	
6	1910110007	Trần Thị Thanh Hương	10/10/2001		8,0	Tám	C21KT	
7	1910110006	Trần Thị Kim Loan	17/01/2001		6,0	Sáu	C21KT	
8	1910110012	Lê Thành Lộc	23/11/2001		4,0	Bốn	C21KT	
9	1910110008	Nguyễn Hoàng Lê Nhi	21/12/2001		5,5	Năm, Năm	C21KT	
10	1910110013	Lê Thị Cẩm Nhung	07/09/2001		4,5	Bốn, Năm	C21KT	
11	1910110004	Nguyễn Thị Nam Phương	06/07/2001		8,0	Tám	C21KT	
12	1910110019	Lê Thu Thảo	05/07/2001		6,5	Sáu, Năm	C21KT	
13	1910110002	Lê Bảo Trân	21/10/2001		4,0	Bốn	C21KT	
14	1910100010	Trịnh Kim Tường Vy	02/11/2001		6,5	Sáu, Năm	C21KT	
15	1910110003	Đào Thụy Khánh Xuân	02/10/2000		9,0	Chín	C21KT	
16	1910110021	Nguyễn Thị Kim Yến	26/11/1998		9,0	Chín	C21KT	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi: 16 vắng thi: 00 . Số bài thi: 16 / 16 .

Số sinh viên đạt/không đạt: _____ / _____

Tỷ lệ đạt: _____, _____ %

Ngày: 14 / 4 / 21 tháng năm

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày: 14 / tháng 3 / năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Thực hành kế toán sản xuất doanh nghiệp 2 - MH1104122

Mã lớp học phần: MH110412201

Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Trần Hồng Đạt

Ngày thi: 13/04/2021

Giờ thi: 07h45

Phòng thi: A1.11

Giám thị 1: Trần Thị Tuyền Ký tên: [Signature]

Giám thị 2: Lê Tuyền Sơn Ký tên: [Signature]

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1910110001	Bùi Đông Anh	17/07/1997	<u>[Signature]</u>		6,5	Sáu phẩy năm	C21KT	
2	1910110020	Lâm Thị Kim Bông	28/06/2001	<u>[Signature]</u>		7,0	Bảy chẵn	C21KT	
3	1910110010	Nguyễn Mạnh Cường	06/09/1993	<u>[Signature]</u>		7,0	Bảy chẵn	C21KT	
4	1910110005	Trần Thị Mỹ Duyên	10/08/2001	<u>[Signature]</u>		5,0	Năm chẵn	C21KT	
5	1910110014	Đặng Thị Hồng Huy	19/08/2001	<u>[Signature]</u>		6,5	Sáu phẩy năm	C21KT	
6	1910110007	Trần Thị Thanh Hương	10/10/2001	<u>[Signature]</u>		6,5	Sáu phẩy năm	C21KT	
7	1910110006	Trần Thị Kim Loan	17/01/2001	<u>[Signature]</u>		6,5	Sáu phẩy năm	C21KT	
8	1910110012	Lê Thành Lộc	23/11/2001	<u>[Signature]</u>		6,0	Sáu chẵn	C21KT	
9	1910110008	Nguyễn Hoàng Lê Nhi	21/12/2001	<u>[Signature]</u>		6,5	Sáu phẩy năm	C21KT	
10	1910110013	Lê Thị Cẩm Nhung	07/09/2001	<u>[Signature]</u>		6,5	Sáu phẩy năm	C21KT	
11	1910110004	Nguyễn Thị Nam Phương	06/07/2001	<u>[Signature]</u>		6,5	Sáu phẩy năm	C21KT	
12	1910110019	Lê Thu Thảo	05/07/2001	<u>[Signature]</u>		7,0	Bảy chẵn	C21KT	
13	1910110002	Lê Bảo Trân	21/10/2001	<u>[Signature]</u>		5,0	Năm chẵn	C21KT	
14	1910100010	Trịnh Kim Tường Vy	02/11/2001	<u>[Signature]</u>		6,5	Sáu phẩy năm	C21KT	
15	1910110003	Đào Thụy Khánh Xuân	02/10/2000	<u>[Signature]</u>		7,5	Bảy phẩy năm	C21KT	
16	1910110021	Nguyễn Thị Kim Yến	26/11/1998	<u>[Signature]</u>		7,5	Bảy phẩy năm	C21KT	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 16 vắng thi: 0 . Số bài thi/Số tờ: 16 / 16 .

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày: 19 / 4 / 21
.....tháng.....năm.....

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]

Ngày: 19 / 4 / 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]
Trần Hồng Đạt

ThS. Hồ Thiện Thông Minh